

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH SƠN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2024/HS-ST
Ngày: 27-6-2024.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH SƠN, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Kim Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Thùy Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Khánh Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Ông Lê Tùng - Kiểm sát viên.

Vào ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại 02 điểm cầu: Điểm cầu trung tâm tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn và điểm cầu thành phần tại Nhà tạm giữ Công an huyện N; Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai, theo hình thức trực tuyến vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 22/2024/TLST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2024/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 6 năm 2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: **TRẦN THỊ NGỌC Đ1**, sinh năm 1995 tại Ninh Thuận.

Nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện N, tỉnh Ninh Thuận; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn Đ2, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1968; Có chồng là Huỳnh Văn L1, sinh năm 1991 và 02 người con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, đang thực hiện Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 21/2024/TA-LCĐKNCT ngày 17/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

Bị cáo có mặt tại điểm cầu thành phần.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Trần Thị X, sinh năm 1967 – Có mặt tại điểm cầu trung tâm.
2. Cao Thị C, sinh năm 1958 – Có mặt tại điểm cầu trung tâm.
3. Hà Thị T, sinh năm 1989 – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
4. Nguyễn Thị T1, sinh năm 1954 – Vắng mặt.
5. Đỗ R, sinh năm 1975 – Có mặt tại điểm cầu trung tâm.
6. Huỳnh Văn L1, sinh năm 1991 – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

5. Phan Văn L2, sinh năm 1966 – Có mặt tại điểm cầu trung tâm.

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị Ngọc Đ1 có nhận ghi số đề cho một số người, người chơi đánh hai con số sau đuôi của các giải xổ số kiến thiết, tỉ lệ thắng 1.000 đồng ăn 70.000 đồng đối với giải miền N, miền T và miền B, thỉnh thoảng sẽ lấy tỷ lệ 1.000 đồng ăn 80.000 đồng đối với giải miền B. Khi ghi đề, Đ1 cho ghi nợ và chỉ lấy 80% số tiền trên tổng số tiền đánh bạc của người chơi đề, đến khi có kết quả xổ số Đào tính toán thắng thua, căn trừ tiền ghi nợ rồi thanh toán trực tiếp cho người thắng đề vào ngày hôm sau. Vào các ngày từ 12-15/01/2024, Đ1 nhận ghi số đề cho các người chơi cụ thể như sau:

* Ngày 12/01/2024:

Đ1 nhận mua số lô, số đề (ghi nợ) đài miền Bắc cho Hà Thị T (sinh năm 1989, trú tại thôn T, xã M, huyện N) với số tiền 100.000 đồng và đài miền T với số tiền 100.000 đồng nhưng T không trúng, T thanh toán cho Đ1 200.000 đồng nên số tiền đánh bạc xác định là **200.000 đồng**.

* Ngày 14/01/2024:

- Trần Thị X (sinh năm 1967, trú: Thôn T, xã M, huyện N) đánh đề (ghi nợ) giải miền T (Khánh Hòa, Huế, Kon Tum) 360.000 đồng, được trừ lại phần trăm 72.000 đồng, còn phải trả 288.000 đồng. Kết quả X trúng 1.050.000 đồng, Đ1 thanh toán cho X 690.000 đồng. Số tiền đánh bạc xác định là **1.410.000 đồng**. X hưởng lợi 690.000 đồng sau khi bị Đ1 căn trừ tiền ghi ban đầu..

- Cao Thị C (sinh năm 1958, trú: Thôn T, xã M, huyện N) đánh đề (ghi nợ) giải miền T (Khánh Hòa, Huế, Kon Tum) 210.000 đồng, được trừ lại phần trăm 42.000 đồng, còn phải trả 168.000 đồng. Kết quả C trúng 350.000 đồng nên số tiền đánh bạc xác định là **560.000 đồng**. C hưởng lợi 140.000 đồng sau khi bị căn trừ tiền ghi ban đầu.

- Đỗ R (sinh năm 1976, trú: Thôn T, xã M, huyện N) đánh đề giải miền B (tỉ lệ 1/80) với số tiền 360.000 đồng. Kết quả R trúng số 91 được Đào thanh toán 400.000 đồng nên số tiền đánh bạc xác định là **760.000 đồng**. Các bên đã thanh toán tiền cho nhau. R hưởng lợi 400.000 đồng.

Ngoài ra, trong ngày này, Đ1 còn nhận ghi số đề cho 08 người (không rõ lai lịch) đánh đề giải miền T (Khánh Hòa, Huế, Kon Tum) và miền B, cụ thể như sau:

- Người không biết tên ghi nợ 210.000 đồng, trúng số 77 đài K 01 lô 350.000 đồng nên số tiền đánh bạc xác định là **560.000 đồng**. Đào căn trừ tiền ghi nợ và đã thanh toán cho người này 140.000 đồng.

- Người không biết tên ghi đề 420.000 đồng, trúng số 65 đài K với số tiền 700.000 đồng nên số tiền đánh bạc xác định là **1.120.000 đồng**. Đào căn trừ tiền ghi nợ và đã thanh toán cho người này 280.000 đồng.

- Người không biết tên ghi đề 10.000 đồng, trúng số 575 đài K với số tiền 3.000.000 đồng nên số tiền đánh bạc xác định là **3.010.000 đồng**. Đào căn trừ tiền ghi nợ và đã thanh toán cho người này 2.990.000 đồng.

- Người không biết tên ghi đề 140.000 đồng, trúng số 75 đài K với số tiền 700.000 đồng nên số tiền đánh bạc xác định là **840.000 đồng**. Đào căn trừ tiền ghi

nợ và đã thanh toán cho người này 560.000 đồng.

- Người không biết tên ghi đề 10.000 đồng, trúng số 75 đuôi đài Huế với số tiền 420.000 đồng nên số tiền đánh bạc xác định là **430.000 đồng**. Đào cần trừ tiền ghi nợ và đã thanh toán cho người này 410.000 đồng.

- Người không biết tên ghi đề 220.000 đồng, trúng số 38 đài miền B với số tiền 700.000 đồng nên số tiền đánh bạc xác định là **920.000 đồng**. Đào cần trừ tiền ghi nợ và đã thanh toán cho người này 480.000 đồng.

- Người không biết tên ghi đề 220.000 đồng, trúng số 75 đài miền B với số tiền 560.000 đồng và trúng số 475 với số tiền 1.000.000 đồng nên số tiền đánh bạc xác định là **1.780.000 đồng**. Đào cần trừ tiền ghi nợ và đã thanh toán cho người này 1.340.000 đồng.

- Người không biết tên ghi đề 110.000 đồng, trúng số 12 đài miền B với số tiền 350.000 đồng nên số tiền đánh bạc xác định là **460.000 đồng**. Đào cần trừ tiền ghi nợ và đã thanh toán cho người này 240.000 đồng.

Tất cả người chơi (trừ Đỗ R) đều ghi nợ, sau khi có kết quả xổ số thì Đ1 cần trừ tiền ghi nợ và thanh toán tiền trúng còn lại. Tổng số tiền đánh bạc trong ngày 14/01/2024 là **11.850.000 đồng**, tổng số tiền xác (tiền Đ1 đã nhận và tiền Đ1 đã cần trừ tiền ghi nợ ban đầu) là **2.270.000 đồng**. Số tiền hưởng lợi của các người chơi là: Xuân 690.000 đồng, C 140.000 đồng, R 400.000 đồng, 08 người chơi không rõ lai lịch là 6.440.000 đồng.

* Ngày 15/01/2024:

Đ1 nhận mua số lô, số đề đài miền N (Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Tháp, Cà Mau) cho 04 người chơi (chưa xác định lai lịch) với số tiền 450.000 đồng, mua số lô, số đề đài miền T (Phú Yên, Huế) cho 02 người chơi (chưa xác định lai lịch) số tiền 235.000 đồng và Nguyễn Thị T1 (sinh năm 1954 trú tại thôn T, xã M, huyện N) số tiền 435.000 đồng. Tổng số tiền nhận mua số lô, số đề ngày 15/01/2024 là **1.120.000 đồng**. Kết quả xổ số trong ngày 15/01/2024 chưa xổ nên chưa thanh toán tiền thắng thua.

Như vậy, trong các ngày từ 12 đến 15/01/2024, Đ1 đã đánh bạc dưới hình thức ghi số đề. Trong đó, có 01 lần đánh bạc ngày 14/01/2024 với số tiền **11.850.000 đồng**, đủ định lượng truy cứu trách nhiệm hình sự.

Quá trình điều tra, Đ1 còn khai từng đánh bạc với người tên T2 ở T, M nhưng không xác định được đối tượng này.

Về thu giữ, tạm giữ đồ vật:

- Thu giữ của Trần Thị Ngọc Đ1: 01 quyển vở loại 5ly – MS 1589 và 05 tờ giấy có nội dung ghi số lô, số đề (đã lưu đưa vào hồ sơ vụ án), 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh dương (số IMEL 1: 868038050366260, IMEL 2: 868038050366278).

- Thu giữ của Trần Thị X: 01 điện thoại di động hiệu Redmi màu xanh (số IMEL 1: 865936053927702, IMEL 2: 865936053651708), đã xử lý theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

- Tạm giữ, sau đó đã trả lại các tài sản không sử dụng vào việc phạm tội gồm 01 xe mô tô biển số 85F1- 311.37 (Giấy tờ xe đứng tên Huỳnh Văn L1, sinh năm 1991, trú: Thôn T, xã M, huyện N – chồng của Đ1) cho Trần Thị Ngọc Đ1, 01 xe mô tô biển số 85F1- 156.07 (Giấy tờ xe đứng tên Phan Văn L2, sinh năm

1966, trú: Thôn T, xã H, huyện N) cho Trần Thị X.

- Đối với số tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội và tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm của Trần Thị Ngọc Đ1, Trần Thị X, Cao Thị C và Đỗ R. h chưa nộp lại.

Cáo trạng số 24/CT-VKS-NS ngày 04-5-2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận truy tố bị cáo Trần Thị Ngọc Đ1 về tội “*Đánh bạc*”, theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên sau khi phân tích hành vi, nhân thân, mức độ phạm tội của bị cáo, giữ nguyên Cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, tuyên bị cáo Trần Thị Ngọc Đ1 phạm tội “*Đánh bạc*”, xử phạt bị cáo từ 12 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 24 đến 36 tháng, phạt bổ sung bị cáo số tiền 10.000.000 đồng – 20.000.000 đồng.

Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự, Điều 90, 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh dương (số IMEL 1: 868038050366278, IMEL 2: 868038050366260) của Trần Thị Ngọc Đ1 là công cụ phạm tội. Buộc Trần Thị X nộp lại số tiền 690.000 đồng (Sáu trăm chín mươi nghìn đồng), Cao Thị C nộp lại số tiền 140.000 đồng (Một trăm bốn mươi nghìn đồng), Đỗ R nộp lại số tiền 40.000 đồng (Bốn mươi nghìn đồng) để sung vào ngân sách nhà nước.

Sau khi nghe luận tội, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình và đồng ý với tội danh Viện kiểm sát đã truy tố. Đồng thời xin Hội đồng xét xử sơ thẩm giảm nhẹ hình phạt và mức phạt tiền bổ sung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xử lý về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

Tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Hà Thị T vắng mặt không lý do, bà Nguyễn Thị T1 và anh Huỳnh Văn L1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy tình tiết vụ án đã rõ, những người vắng mặt đã được triệu tập hợp lệ, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Qua xét hỏi công khai tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã khai nhận toàn bộ

hành vi phạm tội của mình, đúng như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Sơn đã truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với lời khai tại giai đoạn điều tra, truy tố, với vật chứng thu giữ, biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, **Hội đồng xét xử sơ thẩm đủ cơ sở kết luận:** Với mục đích thu lợi bất chính, vào các ngày 12, 14 và 15/01/2024, Trần Thị Ngọc Đ1 đã có hành vi đánh bạc (dưới hình thức ghi số đề), trong đó có 01 lần đánh bạc ngày 14/01/2024 với số tiền là **11.850.000 đồng** (trên 5.000.000 đồng) đủ định lượng truy cứu trách nhiệm hình sự.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã trưởng thành, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, xâm hại đến trật tự công cộng là khách thể được luật hình sự bảo vệ. Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Đánh bạc*”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng số: 24/CT-VKS-NS ngày 04-5-2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo “*phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*”, quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa sơ thẩm đều “*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*”. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Bị cáo biết rõ Nhà nước nghiêm cấm đánh bạc được thua bằng tiền hoặc hiện vật dưới bất cứ hình thức nào. Hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật hình sự, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội, ảnh hưởng tiêu cực đến bản thân, gia đình và là nguyên nhân của các tội phạm khác. Do đó, việc truy tố, xét xử và xử phạt bị cáo hình phạt tương xứng là cần thiết.

Tuy nhiên, xét thấy bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa từng vi phạm pháp luật, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm xét thấy không cần thiết phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù, bị cáo cũng không vi phạm các trường hợp không cho hưởng án treo nên việc cho bị cáo hưởng án treo, đồng thời ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo cũng không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo và Nghị Quyết 02/2023/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo.

[6] Về hình phạt bổ sung:

Khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”.

Hành vi của các bị cáo tuy không cần thiết phải cách ly khỏi xã hội nhưng Hội đồng xét xử sơ thẩm xét thấy cần thiết phải phạt tiền bổ sung đối với bị cáo nhằm nâng cao thêm tính răn đe đối với bị cáo và trong cộng đồng.

[7] Về biện pháp tư pháp:

- Thu giữ 01 quyển vở loại 5ly – MS 1589 và 05 tờ giấy có nội dung ghi số

lô, số đề đã lưu vào hồ sơ vụ án.

- Thu giữ 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh dương (số IMEL 1: 868038050366260, IMEL 2: 868038050366278) của Trần Thị Ngọc Đ1 là công cụ phạm tội cần tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước.

- Thu giữ 01 điện thoại di động hiệu Redmi màu xanh (số IMEL 1: 865936053927702, IMEL 2: 865936053651708) của Trần Thị X sử dụng nhắn tin ghi số đề với Đ1, đã xử lý theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 247/QĐ-XPHC ngày 22/4/2024 của Trưởng Công an huyện N nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét

- Tạm giữ, sau đó đã trả lại các tài sản không sử dụng vào việc phạm tội gồm 01 xe mô tô biển số 85F1- 311.37 (Giấy tờ xe đứng tên Huỳnh Văn L1 – chồng của Đ1) cho Trần Thị Ngọc Đ1, 01 xe mô tô biển số 85F1- 156.07 (Giấy tờ xe đứng tên Phan Văn L2) cho Trần Thị X, ông L2, ông L1 đã nhận lại xe không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với số tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội, trực tiếp liên quan đến tội phạm của lần đánh bạc ngày 14/01/2024 của Trần Thị Ngọc Đ1, Trần Thị X, Cao Thị C, Đỗ Rơi h chưa nộp lại nên buộc nộp lại sung vào ngân sách nhà nước, cụ thể: Sau khi các người chơi ghi nợ đến khi có kết quả trúng đề, Đ1 cần trừ tiền ghi đề nợ ban đầu và chỉ thanh toán số tiền trúng còn lại. Tổng cộng, trong ngày 14/01/2024, tổng số tiền Đ1 đã nhận và tiền giữ lại sau khi cần trừ tiền ghi nợ ban đầu là **2.270.000 đồng**, buộc Đ1 phải nộp lại số tiền này. Số tiền thu lợi được nhận và buộc phải nộp lại của các người chơi là: Xuân **690.000 đồng**, C **140.000 đồng**, R **400.000 đồng**, riêng của 08 người chơi không rõ lai lịch là **6.440.000 đồng** chưa xác định được thông tin nên không có căn cứ xử lý, giao cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ để xử lý là phù hợp, vì vậy Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét.

[8] Các lần đánh bạc ngày 12/01/2024 và 15/01/2024 không đủ định lượng cũng như yếu tố cấu thành tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự. Do đó, kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N xem xét xử lý theo quy định pháp luật đối với các lần đánh bạc này là phù hợp nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét.

[9] Về các đối tượng liên quan:

Đối với Trần Thị X, Cao Thị C, Đỗ R, Hà Thị T, Nguyễn Thị T1 có hành vi đánh bạc cùng bị cáo, tuy nhiên hành vi của những người này không cấu thành tội phạm và đã bị xử phạt hành chính là đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét.

Quá trình điều tra, bị cáo khai còn đánh bạc với người tên T2 ở thôn T, xã M, 08 người chơi vào ngày 14/01/2024 và 06 người chơi vào ngày 15/01/2024 nhưng không xác định được lai lịch những đối tượng này. Do đó, không có căn cứ xử lý, vì vậy Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét.

[10] Về án phí:

- Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[11] Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo:

Bị cáo và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình phạt chính:

* Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Nghị Quyết số 02/2023/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo:

- Tuyên bố: Bị cáo **Trần Thị Ngọc Đ1** phạm tội “*Đánh bạc*”.

- Xử phạt bị cáo Trần Thị Ngọc Đ1 **09 (Chín)** tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **18 (Mười tám)** tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 27-6-2024).

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Người được hưởng án treo đã chấp hành được một phần hai thời gian thử thách và có nhiều tiến bộ thì theo đề nghị của cơ quan, tổ chức có trách nhiệm giám sát, giáo dục, Tòa án có thể quyết định rút ngắn thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện N, tỉnh Ninh Thuận nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã M trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

2. Về hình phạt bổ sung:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017):

- Phạt bổ sung bị cáo Trần Thị Ngọc Đ1 số tiền: **10.000.000 đồng** (Mười triệu đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Về biện pháp tư pháp:

Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật hình sự, Điều 90, 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh dương (số IMEL 1: 868038050366278, IMEL 2: 868038050366260) của Trần Thị Ngọc Đ1 là công cụ phạm tội.

(Vật chứng hiện đang tạm giữ tại kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận - Chi tiết cụ thể theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 08/5/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Sơn).

- Buộc bị cáo Trần Thị Ngọc Đ1 nộp lại số tiền **2.270.000 đồng** (Hai triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng), Trần Thị X nộp lại số tiền **690.000 đồng** (Sáu trăm chín mươi nghìn đồng), Cao Thị C nộp lại số tiền **140.000 đồng** (Một trăm bốn mươi nghìn đồng), Đỗ R nộp lại số tiền **400.000 đồng** (Bốn trăm nghìn đồng) để sung vào ngân sách nhà nước.

4. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

- Buộc bị cáo Trần Thị Ngọc Đ1 phải chịu **200.000 đồng** (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo:

Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Án xử sơ thẩm công khai, theo hình thức trực tuyến, có mặt bị cáo tại điểm cầu thành phần quyền kháng cáo bản án, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại điểm cầu trung tâm quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 27-6-2024).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

(Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Ninh Sơn;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- CQCSĐT CA huyện Ninh Sơn;
- Thi hành án hình sự;
- Chi cục THADS huyện Ninh Sơn;
- UBND xã Mỹ Sơn, huyện Ninh Sơn;
- Sở tư pháp tỉnh Ninh Thuận;
- PV06 Công an tỉnh Ninh Thuận;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ, Án văn hình sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Thị Thùy Dung